TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **04**/2024/DS-ST
Ngày: 04-4-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Hạnh.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Quang Hiển, bà H' Thủy Bon Jốc Ju.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên toà*: Hoàng Thị Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXX-DSST, ngày 22/9/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 276/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 282/2023/QĐST-DS, ngày 25/10/2023; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 23/2023/QĐST-DS ngày 24/11/2023; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 71/2024/QĐST-DS ngày 15/3/2024; Thông báo về thời gian tiếp tục phiên tòa số 72//TB-TA, ngày 15/3/2024, giữa:

*/ *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, tòa nhà S, 111A Pasteur, phường B, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V-Chức vụ: Tổng giám đốc

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H-Giám đốc trung tâm quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ (Theo giấy ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Q)

- Người được ủy quyền lại: Ông K-Chuyên viên xử lý nợ; Ngân hàng TMCP Q; (Theo Giấy ủy quyền số 169825.23, ngày 23/10/2023 của Giám đốc trung tâm quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ, Ngân hàng TMCP Q); địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà P, số 26, U, phường 25, quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh (có mặt)

*/ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (viết tắt là VIB) và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Theo hợp đồng tín dụng số 0332/HĐTD-VIB637/18 ngày 30/3/2018 giữa VIB chi nhánh quận 2-phòng giao dịch Đ cho ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H vay số tiền 396.000.000 đồng; mục đích mua xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOSE; thời hạn vay 84 tháng, từ ngày 31/3/2018 đến 30/3/2025; lãi suất tại thời điểm giải ngân 8.59%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3.79%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày khoản vay được giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.09%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc: hàng tháng vào cùng ngày trả lãi, mỗi kỳ trả 4.714.000 đồng, số tiền còn lại trả vào cuối kỳ; Hoàn trả lãi: vào ngày 25 hàng tháng . Kỳ trả nợ đầu tiên ngày 25/4/2018; Trả phí: theo quy định của VIB từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi VIB giải ngân theo hợp đồng đã ký kết, quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 25/3/2022 ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H đã thanh toán cho VIB tổng số tiền 333.810.868 đồng (trong đó trả gốc là 211.220.243 đồng; trả lãi là 122.590.625 đồng) sau đó ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H không thanh toán nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh.

Ngày 27/12/2017 khách hàng Nguyễn Văn N có đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, VIB đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng Nguyễn Văn N với hạn mức tín dụng là 64.000.000 đồng, loại thẻ: VIB Gold, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất vay: theo quy định của VIB trong từng thời kỳ. Cho đến ngày 16/8/2022 dư nợ thẻ tín dụng là 79.877.449 đồng. Các giao dịch ông Nguyễn Văn N sử dụng cho mục đích sinh hoạt gia đình.

Khi vay ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H thế chấp giấy tờ gốc đăng ký xe ô tô TOYOTA VIOSE biểm kiểm soát 48A-067.02 cho ngân hàng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay tín dụng. Tuy nhiên ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản thế chấp đối với ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu: ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán số tiền tính đến ngày 04/4/2024 tổng số tiền 416.269.087 đồng; cụ thể: Nợ hợp đồng tín dụng là 276.316.821 đồng, trong đó nợ gốc 184.779.757 đồng, nợ lãi trong hạn 8.415.507 đồng, nợ lãi quá hạn 83.121.557 đồng; Nợ thẻ tín dụng là 139.952.266 đồng, trong đó nợ gốc là 61.850.246 đồng, nợ lãi là 28.282.508 đồng, nợ phí (gồm nợ phí thanh toán trễ hạn, phí vượt hạn mức, phí thường niên) là 49.819.512 đồng và tiếp tục chịu lãi suất cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng đã ký kết giữa hai bên.

Theo biên bản xác minh ngày 20/03/2023 tại Công an xã N, huyện K nơi bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú thì ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ,

xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông tuy nhiên hiện nay ông N, bà H đi làm ăn xa, vắng mặt tại địa phương, hiện nay sinh sống, làm việc ở đâu không biết, ông N, bà H không có nhà cửa đất đai gì ở địa phương. Tòa án cũng tiến hành xác minh chỗ ở hiện tại được ông N, bà H ghi trong các hợp đồng tín dụng "Tổ 10, ấp cây Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh", "số 80/8B Bàu Giã, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh" thì đều có kết quả ông N, bà H không có đăng ký thường trú, tạm trú và không thực tế cư trú tại những địa chỉ nêu trên, vì vậy nguyên đơn đã làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H. Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra Tòa án cũng tiến hành xác minh nơi công tác của ông N, bà H ghi trong hợp đồng là "Công ty TNHH P" thì ông N, bà H không còn làm việc tại công ty; Cơ quan bảo hiểm xã hội quận 12, thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: Ông Nguyễn Văn N có tham gia BHXH tại Công ty TNHH P từ tháng 02/2015 – 03/2015, mức đóng 3.317.000 đồng với chức danh: Lao động phổ thông; tháng 03/2016 – 08/2016, mức đóng 3.730.000 đồng với chức danh: Tài xế; Bà Nguyễn Thị H có tham gia BHXH tại Công ty TNHH P từ tháng 04/2015 – 12/2015, mức đóng 3.317.000 đồng với chức danh: Lao động phổ thông; Cả hai ông bà hiện không còn tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNNLĐ-BNN tại Công ty TNHH P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền tính đến ngày 04/4/2024 là 416.269.087 đồng; cụ thể: Nợ hợp đồng tín dụng là 276.316.821 đồng, trong đó nợ gốc 184.779.757 đồng, nợ lãi trong hạn 8.415.507 đồng, nợ lãi quá hạn 83.121.557 đồng; Nợ thẻ tín dụng là 139.952.266 đồng, trong đó nợ gốc là 61.850.246 đồng, nợ lãi là 28.282.508 đồng, nợ phí là 49.819.512 đồng và tiếp tục chịu lãi suất cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng đã ký kết giữa hai bên.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Về án phí bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H đương sự vắng mặt tại địa phương, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã tiến hành niêm yết hợp lệ, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã hoãn phiên tòa một lần do sự vắng mặt của bị đơn, do đó Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo hợp đồng tín dụng số 0332/HĐTD-VIB637/18 ngày 30/3/2018; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/3/2018; Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 27/12/2017, VIB chi nhánh quận 2-phòng giao dịch Đ cho ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H vay số tiền 396.000.000 đồng; mục đích mua xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOSE; thời hạn vay 84 tháng, từ ngày 31/3/2018 đến 30/3/2025; lãi suất tại thời điểm giải ngân 8.59%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3.79%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày khoản vay được giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.09%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc: hàng tháng vào cùng ngày trả lãi, mỗi kỳ trả 4.714.000 đồng, số tiền còn lại trả vào cuối kỳ; Hoàn trả lãi: vào ngày 25 hàng tháng . Kỳ trả nợ đầu tiên ngày 25/4/2018; Trả phí: theo quy định của VIB từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi VIB giải ngân theo hợp đồng đã ký kết, quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 25/3/2022 ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H đã thanh toán cho VIB số tiền 333.810.868 đồng (trong đó trả gốc là 211.220.243 đồng; trả lãi là 122.590.625 đồng) sau đó ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H không thanh toán nợ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh.

Ngày 27/12/2017 khách hàng Nguyễn Văn N có đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, VIB đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng Nguyễn Văn N và Nguyễn Thị H với hạn mức tín dụng là 64.000.000 đồng, loại thẻ: VIB Gold, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất vay: theo quy định của VIB trong từng thời kỳ. Cho đến ngày 07/3/2022 dư nợ thẻ tín dụng là 79.877.449 đồng. Xem xét các giao dịch qua thẻ tín dụng ông Nguyễn Văn N sử dụng hầu hết sử dụng vào sinh hoạt gia đình. Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H không thanh toán tiền vi phạm nghĩa vụ thánh toán.

Vì ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H không có ý thức trả nợ cho Ngân hàng, mà còn cố tình giấu địa chỉ, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng cấp Thẻ tín dụng được lập giữa hai bên, vì vậy các món vay của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H đã bị chuyển thành nợ quá hạn theo điều kiện và điều khoản vay của Hợp đồng tín dụng, Thẻ tín dụng. Tại phiên tòa Ngân hàng khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04/4/2024 là 416.269.087 đồng; cụ thể: Nợ theo hợp đồng tín dụng số 0332/HĐTD-VIB637/18 ngày 30/3/2018 là 276.316.821 đồng, trong đó nợ gốc 184.779.757 đồng, nợ lãi trong hạn 8.415.507 đồng, nợ lãi quá hạn 83.121.557 đồng; Nợ thẻ tín dụng MB01/CC-RB/2017 là 139.952.266 đồng, trong đó nợ gốc là 61.850.246 đồng, nợ lãi là 28.282.508 đồng, nợ phí (gồm nợ phí thanh toán trễ hạn, phí vượt hạn mức, phí thường niên) là 49.819.512 đồng: Nội dung hợp đồng phù hợp với khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng.

Do đó nguyên đơn yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền còn nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về chi phí đăng tin: Căn cứ Điều 180 BLTTDS, nguyên đơn chịu chi phí đăng tin 5.025.000 đồng.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q với bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

1. Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền 416.269.087 đồng *(Bốn trăm mười sáu triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn không trăm tám mươi bảy đồng)*; cụ thể: Nợ hợp đồng tín dụng là 276.316.821 đồng *(Hai trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm mười sáu nghìn tám trăm hai mốt đồng)*, trong đó nợ gốc 184.779.757 đồng *(Một trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng)*, nợ lãi trong hạn 8.415.507 đồng *(Tám triệu bốn trăm mười lăm nghìn năm trăm lẻ bảy đồng)*, nợ lãi quá hạn 83.121.557 đồng *(Tám mươi ba triệu một trăm hai mốt nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng)*; Nợ thẻ tín dụng là 139.952.266 đồng *(Một trăm ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng)*, trong đó nợ gốc là 61.850.246 đồng *(Sáu mươi mốt triệu tám trăm năm mươi nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng)*, nợ lãi là 28.282.508 đồng *(Hai mươi tám triệu hai trăm tám mươi hai nghìn năm trăm lẻ tám đồng)*, nợ phí (gồm nợ phí thanh toán trễ hạn, phí vượt hạn mức, phí thường niên) là 49.819.512 đồng *(Bốn mươi chín triệu tám trăm mười chín nghìn năm trăm mười hai đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (05/4/2024) ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng VIB theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn thanh toán: Theo trình tự thủ tục thi hành án Dân sự.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016: Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H phải chịu 20.650.000 đồng *(Hai mươi triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí DSST. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.067.000 đồng *(Bảy triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)* theo biên lai số 0003489 ngày 15/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

3 Về chi phí đăng tin: Căn cứ Điều 180 BLTTDS, nguyên đơn chịu chi phí đăng tin 5.025.000 đồng *(Năm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh